SAO Y
Ủy ban Nhân dân huyện Côn Đảo
Thời gian ký: 17/12/2021 17:10:47 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 204 /TTr-UBND	*Côn Đảo, ngày 17 tháng 12 năm 2021*

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Côn Đảo.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng đất lúa;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch dụng đất;

Căn cứ Căn cứ Nghị Quyết số 31/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Côn Đảo về việc thông qua quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Côn Đảo;

Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ–HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục dự án cần thu hồi để thực hiện năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ–HĐND ngày 13/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Công văn số 5113/STNMT-CCQLĐĐ ngày 30/7/2021 của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc báo cáo tình hình thực hiện các Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện trong năm 2021; Lập danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2022; Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện.

Căn cứ Công văn số 2668/UBND-TNMT ngày 05/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phối hợp báo cáo tình hình thực hiện các Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện trong năm 2021; Lập danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2022; Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện;

Căn cứ Báo cáo số 378/BC-UBND ngày 23/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, về báo cáo tình hình thực hiện các Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện trong năm 2021; Lập danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2022; Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 06/9/2018 của Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã được Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Côn Đảo;

Căn cứ Tờ trình số 239/TTr-UBND và số 240/TTr-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 đã được Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thẩm định tại Thông báo thẩm định số 182/TB-HĐTĐ ngày 18/8/2021 và đã được thông qua Hội đồng nhân dân huyện Côn Đảo tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 15/10/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thông qua danh mục dự án có thu hồi đất để thực hiện trong năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Thông báo số 284/TB-HĐTĐ ngày 06/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về kết quả thẩm định kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Côn Đảo.

Tại điểm a Khoản 2 Điều 26 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 có quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân huyện trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường như sau:

"a) Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hằng năm của huyện, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;"

Đến nay, công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện đã cơ bản hoàn thành. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện Côn Đảo xem xét thông qua dự thảo kế hoạch sử dụng đất năm 2022

của huyện trước khi trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thẩm định với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Hồ sơ trình phê duyệt kèm theo Tờ trình gồm:

1.1. Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, huyện Côn Đảo.

1.2. Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Côn Đảo, tỷ lệ 1/10.000.

2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021.

2.1. Tình hình triển khai thực hiện các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Côn Đảo:

Theo Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Côn Đảo, toàn huyện có 62 công trình, dự án đăng ký thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021. Tính đến tháng 12/2021, kết quả triển khai các dự án đã được phê duyệt theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện như sau:

Stt	Nội dung	Theo số lượng dự án		Theo diện tích		Ghi chú
		Số lượng dự án	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
Tổng số dự án đăng ký thực hiện kế hoạch năm 2022		**62**		**190,87**		
I	**Dự án thu hồi đất/chuyển mục đích**	**39**	**100,00**	**152,15**	**100,00**	
1	Các dự án đã thực hiện xong thu hồi, chuyển mục đích	10	25,64	9,39	6,17	Chuyển tiếp sang KH 2022
2	Dự án đang thực hiện	18	46,15	116,56	76,61	Chuyển tiếp sang KH 2022
3	Các dự án chưa triển khai thực hiện	11	28,21	26,20	17,22	Không chuyển tiếp sang KH 2022
II	**Dự án giao đất, cho thuê đất nhà nước không thu hồi đất**	**12**	**100,00**	**26,22**	**100,00**	
1	Số dự án đã thực hiện xong	3	25,00	3,94	15,03	Không chuyển tiếp sang KH 2022
2	Các dự án đã thực hiện xong, đưa vào sử dụng nhưng chưa làm thủ tục giao đất	9	75,00	22,28	84,97	Chuyển tiếp sang KH 2021
III	**Dự án các khu đất công khai thác**	**11**	**100,00**	**12,5**	**100,00**	
1	Các dự án chưa triển khai thực hiện	11	100,00	12,50	100,00	Không chuyển tiếp sang KH 2022

(Chi tiết Phụ lục 01 đính kèm).

2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2021:

Qua so sánh các chỉ tiêu trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện (đã được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt tại Quyết định số 3997/QĐ-UBND ngày 30/12/2020) với các chỉ tiêu hiện trạng sử dụng đất năm 2020, kết quả thực hiện đối với từng nhóm đất, cụ thể như sau:

(1). Đối với tổng diện tích tự nhiên:

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Côn Đảo là 7.578,87 ha (theo kết quả kiểm kê năm 2019).

(2). Đối với nhóm đất nông nghiệp:

Hiện trạng năm 2020 là 6.718,42 ha, kế hoạch được duyệt năm 2021 giảm 113,00 ha so với hiện trạng. Kết quả thực hiện năm 2021 là 6.712,20 ha, giảm 6,22 ha so với hiện trạng, đạt 5,50% chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra. Do đất cây hàng năm, cây lâu năm, chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp.

(3). Đối với nhóm đất phi nông nghiệp:

Hiện trạng năm 2020 là 708,26 ha, kế hoạch được duyệt năm 2021 tăng 113,00 ha so với hiện trạng. Kết quả thực hiện năm 2021 là 714,48 ha tăng 6,22 ha so với hiện trạng, đạt 5,50% chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân, do 6,05 ha đất nông nghiệp chuyển mục đích sang phi nông nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư như: Đất giao thông: (*Cải tạo tuyến đường vào cổng chính nghĩa trang Hàng Dương, Kéo dài đường trước mặt trường THCS Lê Hồng Phong*); Đất thủy lợi (*Hồ chứa nước Suốt ớt, Nâng cấp hệ thống cấp nước Bến Đầm Cỏ ống*); Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo (*Trường tiểu học Côn Đảo*); Đất bãi thải, xử lý rác thải (*Hệ thống thu gom xử lý nước thải khu trung tâm Côn Đảo*) và Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (*Văn phòng đại diện cảng vụ hàng hải*) và 0,17 ha do gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng sang đất ở.

(4). Đối với nhóm đất chưa sử dụng:

Hiện trạng năm 2020 là 152,19 ha, kế hoạch được duyệt năm 2021 không thay đổi so với hiện trạng, kết quả thực hiện năm 2021 không thay đổi so với hiện trạng.

(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm).

2.3. Đánh giá tồn tại, nguyên nhân trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021:

Trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có những vướng mắc, hạn chế phát sinh, dẫn đến một số chỉ tiêu sử dụng đất chưa đạt so với chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt. Cụ thể như sau:

- Do tình hình dịch COVID-19 trong thời gian qua diễn biến phức tạp, toàn xã hội thực hiện việc cách ly theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; vì vậy công tác kiểm kê hiện trạng, tổ chức các cuộc họp triển khai đến người dân có đất bị thu hồi cũng hạn chế đáng kể.

- Quy trình triển khai thực hiện dự án đến khi được cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải thực hiện nhiều bước *(lập phê duyệt dự án, quy hoạch xây dựng chi tiết, đo đạc lập bản đồ địa chính, kiểm kê, khảo sát giá thực tế, bồi thường, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất)*. Đồng thời, thời gian thực hiện các thủ tục kéo dài, do đó đối với các dự án có diện tích lớn không thể hoàn thành kịp trong năm quy hoạch.

- Chính sách pháp luật về đất đai có nhiều thay đổi, phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc liên quan đến chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng, như:

+ Công tác xác nhận trực tiếp đất sản xuất nông nghiệp và thời điểm sử dụng đất của hộ gia đình, các nhân để tính bồi thường cho các hộ dân thủ tục phức tạp và mất nhiều thời gian.

+ Đối với dự án vốn ngân sách: Khó khăn trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; Chủ đầu tư chưa quan tâm đến việc thực hiện giao đất, chuyển mục đích sau khi đã hoàn thành công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng. Chủ đầu tư thi công thực hiện dự án sau khi hoàn thành việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi chưa được cơ quan có thẩm quyền giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Do đó, đây là nguyên nhân chính dẫn đến tỷ lệ dự án giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất không cao.

+ Đối với dự án ngoài ngân sách: Do tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn nên việc huy động nguồn vốn đầu tư của các dự án chưa được đảm bảo dẫn đến chủ đầu tư chưa tích cực triển khai thực hiện dự án, cũng như liên hệ để lập thủ tục xin giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

3. Nội dung kế hoạch sử dụng đất 2022

3.1. Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Trong năm kế hoạch 2022, tổng diện tích đất tự nhiên trên địa bàn huyện là 7.578,87 ha. Trong đó:

a) Đối với nhóm đất nông nghiệp: Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2021 là 6.712,20 ha. Đến năm 2022, diện tích đất nông nghiệp theo kế hoạch là 6.634,99 ha, giảm so với hiện trạng là 77,21 ha, chiếm tỷ lệ 87,55% so với diện tích tự nhiên.

b) Đối với nhóm đất phi nông nghiệp: Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2021 là 714,48 ha. Đến năm 2022, diện tích đất phi nông nghiệp theo kế hoạch là 791,69 ha, tăng so với hiện trạng là 77,21 ha, chiếm tỷ lệ 10,45% so với diện tích tự nhiên.

c) Đối với nhóm đất chưa sử dụng: Hiện trạng sử dụng đất chưa sử dụng năm 2021 là 152,19 ha. Đến năm 2022, diện tích đất chưa sử dụng theo kế hoạch là 152,19 ha, không thay đổi so với hiện trạng, chiếm tỷ lệ 2,01% so với diện tích tự nhiên. *(Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm).*

3.2. Kế hoạch thu hồi đất trong năm 2022 của huyện Côn Đảo:

Kế hoạch năm 2022 thực hiện dự án là 106,88 ha với 26 dự án gồm 18 dự án chuyển tiếp; 08 dự án đăng ký mới *(25 dự án thu hồi đất theo Tờ trình số 240/TTr-UBND ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh và bổ sung 01 dự án Hồ chứa nước Đất Dốc). (Chi tiết theo các Phụ lục 04, 06 đính kèm; vị trí được thể hiện trên Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2022).*

3.3. Kế hoạch chuyển mục đích trong năm 2022 của huyện Côn Đảo:

Năm 2022 kế hoạch cần chuyển mục đích sử dụng đất là 43,53 ha. Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư là 42,03 ha và diện tích chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân là 1,50 ha. *(Chi tiết theo các Phụ lục 05, 06 đính kèm; vị trí được thể hiện trên Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2022).*

4. Các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2022 của huyện:

Sau khi Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Côn Đảo được phê duyệt, sẽ được tổ chức triển khai thực hiện như sau:

- Thực hiện công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Côn Đảo theo đúng quy định của pháp luật.

- Đầu tư đồng bộ xây dựng kết cấu hạ tầng kết hợp với phát triển đô thị; ưu tiên dành quỹ đất cho các nhu cầu phát triển công nghiệp, dịch vụ, xây dựng đô thị, khu dân cư, đất xây dựng cơ sở hạ tầng, an ninh quốc phòng, giáo dục, y tế, thể dục thể thao và văn hoá trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ

khoa học kỹ thuật trong sử dụng tài nguyên đất đai bền vững. Khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên toàn huyện, tạo điều kiện cho các đối tượng sử dụng đất có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất đai và môi trường.

- Tiếp tục theo dõi tình hình biến động, cập nhật kịp thời những thông tin mới nhất về đất đai để điều chỉnh bổ sung, nhằm đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả thực tiễn cao của kế hoạch sử dụng đất, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Tiếp thu, ghi nhận các trường hợp phát sinh, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất để xin ý kiến cấp trên cũng như rút ra các bài học kinh nghiệm.

- Tổ chức kiểm tra, đôn đốc các đơn vị được giao làm chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước sớm hoàn thành các thủ tục pháp lý để triển khai đo đạc, cắm mốc, xây dựng và trình phê duyệt phương án thu hồi đất, bồi thường để triển khai xây dựng dự án đúng tiến độ nhằm khắc phục tình trạng dự án chậm triển khai do ách tắc bởi công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Nghiên cứu, đề xuất cải tiến quy trình thực hiện thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hoá, hiệu quả đối với các thủ tục như: chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, … Tạo môi trường thuận lợi, chính sách đầu tư thông thoáng nhằm khuyến khích các nhà đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách.

- Để nâng cao kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo cam kết thực hiện theo kế hoạch đề ra.

Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, thông qua./.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 202/TTr-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện; Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm: Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Côn Đảo; Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Côn Đảo, tỷ lệ 1/10.000; các Phụ lục từ 01-07).

Nơi nhận:
- Như trên;
- TTr. Huyện ủy (báo cáo);
- TTr. HĐND huyện (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng TN&MT, TC-KH, Ban QLDA ĐTXD huyện;
- Lưu: VT, TNMT.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO T.BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Lê Văn Phong

PHỤ LỤC 01:
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM 2021
HUYỆN CÔN ĐẢO

(Kèm theo Tờ trình số 204 /TTr-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Côn Đảo)

STT	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích			Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2021		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	TỔNG CỘNG : 62 dự án			**190,87**	**3,86**	**147,91**		
A	**Dự án thu hồi đất/chuyển mục đích (39 dự án)**			**152,15**		**125,67**		
I	**Các dự án đã thực hiện xong công tác thu hồi, chuyển mục đích (10 dự án)**			**9,39**		**9,39**		**Chuyển tiếp sang KH2022**
1	Hồ chứa nước Suối Ớt	DTL	Khu Cỏ Ống	2,18		2,18	Đã thực hiện xong BTGPMB, đang triển khai thi công lòng hồ và đập tràn; Trình chuyển đổi mục đích SDĐR	-nt-
2	Văn phòng đại diện cảng vụ hàng hải	DTS	Bến Đầm	0,12		0,12	Đã thực hiện công tác BTGPMB nhưng chưa có QĐ thu hồi đất; Trình Thủ tướng chuyển đổi mục đích SDĐR;	-nt-
3	Chùa Núi Một	DDT	Khu An Hải	1,99		1,99	Đã đo đạc lập HSĐC, đang thực hiện thủ tục giao đất	-nt-
4	Cải tạo tuyến đường vào cổng chính nghĩa trang Hàng Dương (giai đoạn 2)	DGT	TT Côn Đảo	0,61		0,61	Thi công hoàn thành	-nt-
5	Kéo dài đường trước mặt Trường THCS Lê Hồng Phong đến điểm giao với đường Nguyễn Huệ	DGT	TT Côn Đảo	0,42		0,42	Đã hoàn thành	-nt-
6	Nâng cấp tuyến đường Võ Thị Sáu, huyện Côn Đảo	DGT	TT Côn Đảo	1,09		1,09	Đã hoàn thành, đang lập thủ tục bàn giao đất;	-nt-
7	Nâng cấp hệ thống cấp nước Bến Đầm- Cỏ Ống	DTL	Bến Đầm - Cỏ Ống	0,20		0,20	Đã thực hiện công tác BTGPMB, đang lập thủ tục bàn giao đất; Trình Thủ tướng chuyển đổi mục đích SDĐR;	-nt-

STT	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích			Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2021		
8	Trường tiểu học Côn Đảo	DGD	KDC số 3, huyện Côn Đảo	0,50		0,50	đã hoàn thành công tác BTGPMB đang hoàn tất thủ tục bàn giao đất	-nt-
9	Hệ thống thu gom xử lý nước thải khu trung tâm Côn Đảo	DRA	TT Côn Đảo	1,48		1,48	Đã thực hiện công tác BTGPMB, đang lập thủ tục bàn giao đất; Đã triển khai thi công;	-nt-
10	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Lô K	ODT	Trung tâm	0,80		0,80	' Đang triển khai các thủ tục bàn giao đất	-nt-
II	**Dự án đang thực hiện (18 dự án)**			**116,56**		**116,28**		**Chuyển tiếp sang KH2022**
1	Nhà công vụ công an Huyện Công Đảo	CAN	TT Côn Đảo	0,20		0,17	Đang triển khai thủ tục pháp lý	-nt-
2	Trụ sở đội cảnh sát PCCC huyện Côn Đảo	CAN	TT Côn Đảo	0,27		0,27	- Đang thực hiện BTGPMB;	-nt-
3	Xây dựng CSHT cụm công nghiệp Bến Đầm (tên dự án cũ: Cụm công nghiệp Bến Đầm)	SKN	Khu Bến Đầm	19,44		19,44	Hoàn tất công tác lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng; Đang thực hiện công tác BTGPMB và chuyển đổi mục đích SDĐR	-nt-
4	Đường trục phía Bắc trung tâm Côn Đảo	DGT	Trung tâm	28,20		28,20	Đang triển khai công tác bồi thường GPMB	-nt-
5	Xây dựng các tuyến đường quy hoạch trục chính xung quanh khu TĐC 9A	DGT	TT Côn Đảo	0,82		0,82	Đã Thông báo và tiến hành kiểm kê đang lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Trình Thủ tướng chuyển đổi mục đích SDĐR;	-nt-
6	Hồ chứa nước Lò Vôi	DTL	Trung tâm	3,70		3,89	- Đang thực hiện BTGPMB;	-nt-
7	Mở rộng, nạo vét hồ An Hải	DTL	TT Côn Đảo	23,35		23,35	Đã Thông báo và đang tiến hành kiểm kê, rà soát hồ sơ lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	-nt-
8	Kiên cố hóa các tuyến mương thu gom nước của KDC số 3	DTL	KDC số 3, huyện Côn Đảo	1,32		1,32	- Đang thực hiện BTGPMB;	-nt-
9	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu trung tâm Côn Đảo (Hạng mục:	DGT	KDC số 3, huyện Côn Đảo	5,69		6,03	- Đang thực hiện BTGPMB; - Hoàn thiện hồ sơ TKBVTC-DT;	-nt-

STT	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích			Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2021		
	Xây dựng một số tuyến đường mới KDC số 3 theo quy hoạch)						- Trình chuyển đổi mục đích SDĐR	
10	Nâng cấp tuyến đường Huỳnh Thúc Kháng	DGT	KDC số 3, huyện Côn Đảo	5,02		5,02	- Đang thực hiện BTGPMB; - Đang tổ chức thi công hệ thống thoát nước mưa	-nt-
11	Đường Phan Chu Trinh nối dài theo quy hoạch	DGT	Khu 2, H. Côn Đảo	0,45		0,55	- Đã Thông báo và đang tiến hành kiểm kê để lập Phương án BT,HT,TĐC; - Trình Thủ tướng chuyển đổi mục đích SDĐR	-nt-
12	Tuyến dường kết nối từ KDC 9a đến đường Nguyễn Văn Cừ	DGT	TT Côn Đảo	0,42		0,53	- Đã Thông báo và đang tiến hành kiểm kê để lập Phương án BT,HT,TĐC;	-nt-
13	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch khu dân cư phía Bắc Nghĩa trang Hàng Dương	DGT	TT Côn Đảo	1,60		0,43	- Đã Thông báo và tiến hành kiểm kê đang lập Phương án BT,HT,TĐC; '- Thi công xây dựng	-nt-
14	Nâng cấp đường Dương Thanh Khuyết	DGT	Khu 2, H. Côn Đảo	0,10		0,10	Đã thực hiện xong, đang làm thủ tục giao đất - Đã Thông báo và đang tiến hành kiểm kê để lập Phương án BT,HT,TĐC; '- Đang lập hồ sơ điều chỉnh hướng tuyến;	-nt-
15	Nhà ở xã hội	ODT	TT Côn Đảo	0,64		0,64	Đang lập hồ sơ triển khai công tác BTGPMB.	-nt-
16	Nạo vét hồ Quang Trung 1	DTL	Trung tâm	21,75		21,75	Chưa triển khai thực hện công tác thu hồi GPMB; Chủ đầu tư đang hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh dự án theo VB số 2029/UBND-VP ngày 10/3/2020 của UBND tỉnh	-nt-

STT	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích			Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2021		
17	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư trung tâm huyện Côn Đảo (tên dự án cũ: Cơ sở hạ tầng khu TĐC theo quy hoạch trung tâm Côn Đảo khu 9A)	ODT	TT Côn Đảo	2,63		2,63	- Đã Thông báo và tiến hành kiểm kê đang rà soát hoàn thiện Phương án BT,HT,TĐC; - Trình điều chỉnh dự án	-nt-
18	Đầu tư mới Trung tâm y tế Quân dân y	DYT	TT Côn Đảo	0,96		1,14	Đã ban hành kế hoạch và thông báo thu hồi đất;	-nt-
III	**Các dự án chưa triển khai thực hiện (11 dự án)**			**26,20**				**Không chuyển tiếp sang KH2022**
1	Xây dựng nhà máy nước sinh hoạt huyện Côn Đảo công suất 3,000m3/ng.đêm (tên dự án cũ: Nâng cấp công suất nhà máy xử lý nước sinh hoạt khu trung tâm (6.000m3/ng.đêm)	SKC	TT Côn Đảo	0,35			Dừng thực hiện đầu tư dự án theo TB số 287/TB-UBND ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh	-nt-
2	Công viên năng lượng mặt trời	DNL	Khu Đất Dốc	8,95			Không đủ điều kiện thực hiện Kh2022	-nt-
3	Trạm viễn thông cỏ ống	DBV	Cỏ ống	0,75			Không đủ điều kiện thực hiện Kh2022	-nt-
4	Trạm viễn thông Bến Đầm	DBV	Bến Đầm	0,31			Không đủ điều kiện thực hiện Kh2022	-nt-
5	Trạm ứng dụng và chuyển giao công nghệ huyện Côn Đảo	PNK	TT Côn Đảo	1,28			Không đủ điều kiện thực hiện Kh2022	-nt-
6	Khu nông nghiệp công nghệ cao	PNK	Trung tâm	6,59			Không đủ điều kiện thực hiện Kh2022	-nt-
7	Kho Lưỡng Dụng Huyện Côn Đảo	CQP	Đường Võ Thị Sáu, Khu dân cư số 7, huyện Côn Đảo	1,26			Không đủ điều kiện thực hiện Kh2022	-nt-
8	Trụ sở CAH Côn Đảo (điều chỉnh)	CAN	TT Côn Đảo	0,02			Không đủ điều kiện thực hiện Kh2022	-nt-
9	Nâng cấp đường Lưu Chí Hiếu	DGT	TT Côn Đảo	0,37			Không đủ điều kiện thực hiện Kh2022	-nt-
10	Cấp điện bằng nguồn điện mặt trời cho huyện Côn Đảo	DNL	Bãi Đất Dốc, huyện Côn Đảo	4,40			Không đủ điều kiện thực hiện Kh2022	-nt-

STT	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích			Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2021		
11	Nhà máy xử lý rác tại huyện Côn Đảo	DRA	Khu Bến Đầm	1,92			Không đủ điều kiện thực hiện Kh2022	-nt-
B	**Dự án giao đất, cho thuê đất (12 dự án)**			**26,22**	**3,86**	**22,24**		
I	**Các công trình đã thực hiện xong (3 dự án)**			**3,94**	**3,86**			**Không chuyển tiếp sang KH2022**
1	Trung tâm tìm kiếm cứu hộ cứu nạn	CQP	Bến Đầm	3,06	3,01		Quyết định cấp đất số 2452/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 về việc giao 30.119,6 m2; giấy CN QSDĐ CV 844829 và CV844830	-nt-
2	Đồn BP Côn Đảo vị trí mới	CQP	Khu 3, h Côn Đảo	0,43	0,40		Quyết định cấp đất số 2453/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 về việc giao 4.015m2; giấy CN QSDĐ CV844828	-nt-
3	Xây dựng bể chứa nước tại nhà máy nước lớn	TMD	Trung tâm	0,45	0,45		Đã thực hiện xong	-nt-
II	**Các dự án đã thực hiện xong, đưa vào sử dụng nhưng chưa làm thủ tục giao đất (9 dự án)**			**22,28**		**22,24**		**Chuyển tiếp sang KH2022**
1	Trạm rada phòng không 367	CQP	Đỉnh Núi Thánh Gía	0,30		0,30	Đang làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ	-nt-
	Trạm rada phòng không 367		Chân Núi Thánh Gía	3,00		3,00		-nt-
2	Xây dựng 2 bể điều áp đầu các tuyến Bến Đầm, Cỏ Ống	TMD	Bến Đầm, Cỏ Ống	0,10		0,06	Đã xây dựng xong, đang làm thủ tục giao đất	-nt-
3	Trạm tiếp sóng phát thanh truyền hình tỉnh	DVH	TT Côn Đảo	0,80		0,80	Đã xây dựng xong, đang làm thủ tục giao đất	-nt-
4	Chốt kiểm dịch động vật Bến Đầm	DTS	Khu Bến Đầm	0,15		0,15	Đã thực hiện, đang làm thủ tục giao đất	-nt-
5	Xây dựng một số tuyến đường theo QH khu Bến Đầm	DGT	Khu Bến Đầm	0,59		0,59	Thi công hoàn thành	-nt-
6	Cảng tàu khách Côn Đảo	DGT	Khu 5, huyện Côn Đảo	2,10		2,10	Đã thực hiện xong, đang làm thủ tục giao đất	-nt-
7	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Côn Đảo	DGT	Khu 10, huyện Côn Đảo	12,00		12,00	Đã thực hiện xong, đang làm thủ tục giao đất	-nt-

STT	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích			Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2021		
8	Kho bãi chứa hàng tại cảng Bến Đầm	DGT	Khu 10, huyện Côn Đảo	3,22		3,22	Đã thực hiện xong, đang làm thủ tục giao đất	-nt-
9	Nhà vệ sinh công cộng	DKV	Đường Nguyễn Huệ	0,02		0,02	Đang triển khai thủ tục pháp lý	-nt-
C	**Dự án các khu đất công khai thác (11 dự án)**			**12,50**				
I	**Các dự án chưa triển khai thực hiện (11 dự án)**			**12,50**				**Không chuyển tiếp sang KH2022**
1	Khu đất 0,83 ha (HH2.6)	TMD	Trung tâm	0,83			Tạm dừng đấu giá theo CV số 13483/UBND-VP ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh	-nt-
2	Khu đất 0,5 ha tại trung tâm huyện Côn Đảo	TMD	Trung tâm	0,50			Tạm dừng đấu giá theo CV số 13483/UBND-VP ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh	-nt-
3	Khu đất đấu giá 1,73ha tại huyện Côn Đảo	TMD	đường Ng.Văn Linh- L. Thế Trân - H.Quốc Việt - Vũ Văn Hiếu	1,73			Tạm dừng đấu giá theo CV số 13483/UBND-VP ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh	-nt-
4	Khu đất 3,55 ha tại Cỏ Ống, Đá Trắng, huyện Côn Đảo	TMD	Cỏ Ống, Đá Trắng	3,55			Tạm dừng đấu giá theo CV số 13483/UBND-VP ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh	-nt-
5	Khu đất 1,42ha tại Trung tâm Côn Sơn, huyện Côn Đảo	TMD	Trung tâm Côn Sơn, huyện Côn Đảo	1,42			Tạm dừng đấu giá theo CV số 13483/UBND-VP ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh	-nt-
6	Trung tâm thương mại	TMD	Góc đường Phạm Văn Đồng - Lê Duẩn	0,15			Tạm dừng đấu giá theo CV số 13483/UBND-VP ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh	-nt-
7	Khu Suối ớt	TMD	Khu Suối ớt, KDC số 1, huyện Côn Đảo	1,90			Tạm dừng đấu giá theo CV số 13483/UBND-VP ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh	-nt-
8	Khu đất 533,4m2	TMD	Trần phú, Khu dân cư số 5, huyện Côn Đảo	0,05			Tạm dừng đấu giá theo CV số 12591/UBND-VP ngày 13/11/2020 của UBND tỉnh	-nt-

STT	Tên dự án	Loại đất	Địa điểm	Diện tích			Tiến độ thực hiện	Ghi chú
				Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2021		
9	Khu đất 95,7m2	ODT	Đường Phạm Văn Đồng, khu 8, huyện Côn Đảo	0,01			Đang tạm dừng để rà soát lại theo VB số 12013/UBND-VP ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh	-nt-
10	Khu HH 1.6 (gồm khối trụ sở UBND, Phòng TN&MT, Nhà khách khí tượng…)	TMD	Khu trung tâm	1,33			Đang tạm dừng để rà soát lại theo VB số 12013/UBND-VP ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh	-nt-
11	Khu HH 1.7 Viện KS nhân dân, BQL CTCC…)	TMD	Khu trung tâm	1,03			Đang tạm dừng để rà soát lại theo VB số 12013/UBND-VP ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh	-nt-

PHỤ LỤC 02:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 HUYỆN CÔN ĐẢO

(Kèm theo Tờ trình số 204 /TTr-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Côn Đảo)

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng 2020	Năm 2021				Tỷ lệ thực hiện (%)
			KHSDĐ được duyệt năm 2021	Thực hiện đến năm 2021	So sánh hiện trạng với		
					KH được duyệt	Kết quả thực hiện	
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)	(8)=(6)-(4)	(9)=(8)/(7)*100
	Tổng diện tích tự nhiên	**7.578,87**	**7.578,87**	**7.578,87**			
1	**Đất nông nghiệp**	**6.718,42**	**6.605,42**	**6.712,20**	**-113,00**	**-6,22**	**5,50**
	Trong đó:						
1.1	Đất lúa nước						
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước						
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	83,54	57,71	83,54	-25,83		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	103,17	83,83	101,2	-19,34	-1,97	10,19
1.4	Đất rừng phòng hộ	629,36	555,58	625,11	-73,78	-4,25	5,76
1.5	Đất rừng đặc dụng	5.901,03	5.899,11	5.901,03	-1,92		
1.6	Đất rừng sản xuất						
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1,32	1,32	1,32			
1.8	Đất làm muối						
1.9	Đất nông nghiệp khác		7,87		7,87		
2	**Đất phi nông nghiệp**	**708,26**	**821,26**	**714,48**	**113,00**	**6,22**	**5,50**
	Trong đó:						
2.1	Đất quốc phòng	83,43	194,01	83,43	110,58		
2.2	Đất an ninh	2,63	3,12	2,63	0,49		
2.3	Đất khu công nghiệp				0,00		
2.4	Đất cụm công nghiệp		19,44		19,44		
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	96,61	108,07	96,61	11,46		
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,57	0,92	0,57	0,35		
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản						
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	5,18	5,18	5,18			
2.9	Đất hạ tầng	437,87	403,92	443,8	-33,95	5,93	-17,47
	Trong đó:						
2.9.1	*Đất giao thông*	*287,41*	*225,20*	*287,87*	-62,21	0,46	-0,74
2.9.2	*Đất thủy lợi*	*63,63*	*74,35*	*66,01*	10,72	2,38	22,20
2.9.3	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*7,36*	*7,23*	*7,23*	-0,13	-0,13	100,00
2.9.4	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*1,48*	*2,44*	*1,48*	0,96		
2.9.5	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục- đào tạo*	*7,13*	*7,29*	*7,13*	0,16		
2.9.6	*Đất xây dựng cơ sở thể dục- thể thao*	*1,29*	*1,29*	*1,29*			
2.9.7	*Đất công trình năng lượng*	*3,00*	*16,24*	*3,00*	13,24		
2.9.8	*Đất công trình bưu chính viễn thông*	*1,74*	*2,05*	*1,74*	0,31		
2.9.9	*Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia*						
2.9.10	*Đất có di tích lịch sử - văn hóa*	*60,67*	*62,41*	*62,41*	1,74	1,74	
2.9.11	*Đất bãi thải, xử lý chất thải*	*0,48*	*3,88*	*1,96*	3,40	1,48	43,53
2.9.12	*Đất cơ sở tôn giáo*						

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng 2020	Năm 2021				Tỷ lệ thực hiện (%)
			KHSDĐ được duyệt năm 2021	Thực hiện đến năm 2021	So sánh hiện trạng với		
					KH được duyệt	Kết quả thực hiện	
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)	(8)=(6)-(4)	(9)=(8)/(7)*100
2.9.13	*Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*	*1,60*	*1,60*	*1,60*			
2.9.14	*Đất cơ sở khoa học và công nghệ*						
2.9.15	*Đất cơ sở dịch vụ xã hội*						
2.9.16	*Đất chợ*	*2,08*	*0,90*	*2,08*	-1,18		
2.10	Đất có danh lam thắng cảnh						
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng						
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	3,78	3,80	3,78	0,02		
2.13	Đất ở tại nông thôn	36,65	43,73	36,82	7,08	0,17	2,40
2.14	Đất ở tại đô thị						
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	5,25	2,86	5,25	-2,39		
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	8,44	8,36	8,56	-0,08	0,12	-150,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao						
2.18	Đất tín ngưỡng						
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1,13	1,13	1,13			
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	6,91	6,91	6,91			
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	19,82	19,82	19,82			
3	**Đất chưa sử dụng**	**152,19**	**152,19**	**152,19**			

PHỤ LỤC 03:
DIỆN TÍCH CƠ CẤU CÁC LOẠI ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN CÔN ĐẢO

(Kèm theo Tờ trình số 204 /TTr-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Côn Đảo)

Đơn vị tính: ha

Stt	LOẠI ĐẤT	Mã	Kế hoạch năm 2022	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	TỔNG HỢP DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		**7.578,87**	**100,00**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**6.634,99**	**87,55**
1.1	Đất trồng lúa	LUA		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	67,17	0,89
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	82,39	1,09
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	587,76	7,76
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	5.896,35	77,80
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,32	0,02
1.7	Đất làm muối	LMU		
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH		
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**791,69**	**10,45**
2.1	Đất quốc phòng	CQP	83,36	1,10
2.2	Đất an ninh	CAN	3,07	0,04
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	19,44	0,26
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	96,59	1,27
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,63	0,02
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	1,97	0,03
2.9	Đất hạ tầng	DHT	498,60	6,58
2.9.1	*Đất giao thông*	*DGT*	*327,54*	*4,32*
2.9.2	*Đất thủy lợi*	*DTL*	*79,61*	*1,05*
2.9.3	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*DVH*	*7,23*	*0,10*
2.9.4	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*	*2,62*	*0,03*
2.9.5	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục- đào tạo*	*DGD*	*7,13*	*0,10*
2.9.6	*Đất xây dựng cơ sở thể dục- thể thao*	*DTT*	*1,29*	*0,02*
2.9.7	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*	*2,89*	*0,04*
2.9.8	*Đất công trình bưu chính viễn thông*	*DBV*	*1,74*	*0,02*
2.9.9	*Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia*	*DKG*		
2.9.10	*Đất có di tích lịch sử - văn hóa*	*DDT*	*62,91*	*0,83*
2.9.11	*Đất bãi thải, xử lý chất thải*	*DRA*	*1,96*	*0,03*
2.9.12	*Đất cơ sở tôn giáo*	*TON*		
2.9.13	*Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*	*NTD*	*1,60*	*0,02*
2.9.14	*Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ*	*DKH*		
2.9.15	*Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội*	*DXH*		
2.9.16	*Đất chợ*	*DCH*	*2,08*	*0,03*
2.10	Đất có danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	3,80	0,05
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	41,59	0,55

	LOẠI ĐẤT	Mã	Kế hoạch năm 2022	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	5,25	0,07
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	8,54	0,11
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,13	0,01
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	6,91	0,09
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	19,82	0,26
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**152,19**	**2,01**
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	152,19	2,01
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS		

PHỤ LỤC 04:
KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 CỦA HUYỆN CÔN ĐẢO

(Kèm theo Tờ trình số 204 /TTr-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Côn Đảo)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử sụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**75,02**
	Trong đó:		
1.1	Đất lúa nước	LUA	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	14,93
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	18,06
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	37,35
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	4,68
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**5,29**
	Trong đó:		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,07
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,02
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,21
2.9	Đất hạ tầng	DHT	1,32
	Trong đó:		
2.9.1	*Đất giao thông*	*DGT*	*0,02*
2.9.2	*Đất thủy lợi*	*DTL*	*1,19*
2.9.3	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*DVH*	
2.9.4	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*	
2.9.5	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục- đào tạo*	*DGD*	
2.9.6	*Đất xây dựng cơ sở thể dục- thể thao*	*DTT*	
2.9.7	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*	*0,11*
2.9.8	*Đất công trình bưu chính viễn thông*	*DBV*	
2.9.9	*Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia*	*DKG*	
2.9.10	*Đất có di tích lịch sử - văn hóa*	*DDT*	
2.9.11	*Đất bãi thải, xử lý chất thải*	*DRA*	
2.9.12	*Đất cơ sở tôn giáo*	*TON*	
2.9.13	*Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*	*NTD*	
2.9.14	*Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ*	*DKH*	
2.9.15	*Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội*	*DXH*	
2.9.16	*Đất chợ*	*DCH*	
2.10	Đất có danh lam thắng cảnh	DDL	

STT	Chỉ tiêu sử sụng đất	Mã	Tổng diện tích
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,67
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

Ghi chú: Hiện trạng đất phi nông nghiệp: 26,37ha.

PHỤ LỤC 05:
KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 CỦA HUYỆN CÔN ĐẢO

(Kèm theo Tờ trình số 204 /TTr-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Côn Đảo)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử sụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**43,53**
1.1	Đất lúa nước	LUA/PNN	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC/PNN*	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	0,75
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	0,75
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	37,35
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	4,68
1.6	Đất trồng rừng sản xuất	RSX/PNN	
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN/PNN*	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NNK/PNN	
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	
2.3	Đất chuyên trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	
2.4	Đất chuyên trồng lúa sang đất làm muối	LUA/LMU	
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR[(a)]	
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR[(a)]	
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR[(a)]	
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	

PHỤ LỤC 06:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 CỦA HUYỆN CÔN ĐẢO

(Kèm theo Tờ trình số 204 /TTr-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Côn Đảo)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/ Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Loại đất cần thu hồi/chuyển mục đích (ha)						Căn cứ pháp lý	Nguồn gốc đất	Nguồn vốn
					Tổng DT dự án	Thực hiện năm 2022	Thu hồi năm 2022	Thực hiện CMĐ năm 2022	Đất nông nghiệp	Trong đó				Đất phi nông nghiệp			
										Đất lúa 1 vụ	Đất lúa 2 vụ	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng				
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
TỔNG CỘNG : 26 dự án					**132,20**	**124,88**	**106,88**	**42,03**	**75,02**			**37,35**	**4,68**	**31,86**			
I	**Đất an ninh (2 dự án)**				**0,44**	**0,44**	**0,44**	**0,44**	**0,44**			**0,44**					
	Chuyển tiếp : 2 dự án																
1	Nhà công vụ công an Huyện Côn Đảo	Công an tỉnh BR - VT	TT Côn Đảo	Đất an ninh	0,17	0,17	0,17	0,17	0,17			0,17			Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, QPAN và dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021 - Công văn số 819/SXD-QHKT ngày 16/3/2020 của Sở Xây dựng về giới thiệu địa điểm để thực hiện dự án đầu tư xây dựng trụ sở PCCC và Nhà công vụ Công an huyện Côn Đảo	Đất nhà nước	Ngân sách tỉnh
2	Trụ sở đội cảnh sát PCCC huyện Côn Đảo	Công an tỉnh BR - VT	TT Côn Đảo	Đất an ninh	0,27	0,27	0,27	0,27	0,27			0,27			Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, QPAN và dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021 - Quyết định số 3285/QĐ-	Đất nhà nước	NSNN

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/ Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Loại đất cần thu hồi/chuyển mục đích (ha)						Căn cứ pháp lý	Nguồn gốc đất	Nguồn vốn
					Tổng DT dự án	Thực hiện năm 2022	Thu hồi năm 2022	Thực hiện CMĐ năm 2022	Đất nông nghiệp	Trong đó				Đất phi nông nghiệp			
										Đất lúa 1 vụ	Đất lúa 2 vụ	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng				
															UBND ngày 30/10/2020 về việc phê duyệt dự án		
II	**Đất cụm công nghiệp (1 dự án)**				**19,44**	**19,44**	**19,44**	**16,23**	**16,23**			**16,23**		**3,21**			
	Chuyển tiếp : 1 dự án																
1	Xây dựng CSHT cụm công nghiệp Bến Đầm (tên dự án cũ: Cụm công nghiệp Bến Đầm)	UBND Huyện	Khu Bến Đầm	Cụm công nghiệp	19,44	19,44	19,44	16,23	16,23			16,23		3,21	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND huyện Côn Đảo phê duyệt chủ trương đầu tư, QĐ 1321/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện Côn Đảo phê duyệt dự án QĐ số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	Đất nhà nước+đất SXKD	NS huyện
III	**Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (1 dự án)**				**1,06**	**1,06**	**1,06**	**1,06**	**1,06**			**1,06**					
	Đăng ký mới : 1 dự án																
1	Xây dựng nhà máy nước sinh hoạt huyện Côn Đảo công suất 10,000m3/ng.đêm (tên dự án cũ: Nâng cấp công suất nhà máy xử lý nước sinh hoạt khu trung tâm (6.000m3/ng.đêm)	UBND Huyện	TT Côn Đảo	SKC	1,06	1,06	1,06	1,06	1,06			1,06			TB 406/TB-UBND ngày 03/6/2021, CV số 9536/UBND-VP ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh		
IV	**Đất giao thông (13 dự án)**				**51,36**	**44,04**	**44,04**	**16,12**	**37,93**			**16,12**		**6,11**			
	Chuyển tiếp : 8 dự án																
1	Đường trục phía Bắc trung tâm Côn Đảo	Ban QLDA chuyên ngành	Trung tâm	Đường giao thông	28,20	28,20	28,20	11,19	25,85			11,19		2,35	NQ số 110/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Quyết định 3147/QĐ - UBND ngày 30/10/2017;	đất nhà nước + đất dân	NS tỉnh

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/ Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Loại đất cần thu hồi/chuyển mục đích (ha)						Căn cứ pháp lý	Nguồn gốc đất	Nguồn vốn
					Tổng DT dự án	Thực hiện năm 2022	Thu hồi năm 2022	Thực hiện CMĐ năm 2022	Đất nông nghiệp	Trong đó				Đất phi nông nghiệp			
										Đất lúa 1 vụ	Đất lúa 2 vụ	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng				
		giao thông													Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH		
2	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu trung tâm Côn Đảo (Hạng mục: Xây dựng một số tuyến đường mới khu dân cư số 3)	UBND huyện Côn Đảo	KDC số 3, huyện Côn Đảo	Đường giao thông	13,35	6,03	6,03	3,78	5,93			3,78		0,1	Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh; QĐ số 2912/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh QĐ số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	Đất nhà nước + đất dân	NS Tỉnh
3	Nâng cấp tuyến đường Huỳnh Thúc Kháng	UBND huyện Côn Đảo	KDC số 3, huyện Côn Đảo	Đường giao thông	5,02	5,02	5,02	0,06	1,76			0,06		3,26	NQ số 110/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của HĐND tỉnh Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh phê duyệt dự án QĐ số 2760/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2021	Đất nhà nước + đất dân	NS tỉnh
4	Xây dựng các tuyến đường quy hoạch trục chính xung quanh khu TĐC 9A	BQLDA ĐTXD huyện	TT Côn Đảo	Đường giao thông	0,82	0,82	0,82	0,7	0,82			0,70			NQ số 21/NQ-HĐND ngày 15/10/2019 của HĐND huyện Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện QĐ số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của	Đất nhà nước + đất dân	NS huyện

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/ Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Loại đất cần thu hồi/chuyển mục đích (ha)						Căn cứ pháp lý	Nguồn gốc đất	Nguồn vốn
					Tổng DT dự án	Thực hiện năm 2022	Thu hồi năm 2022	Thực hiện CMĐ năm 2022	Đất nông nghiệp	Trong đó				Đất phi nông nghiệp			
										Đất lúa 1 vụ	Đất lúa 2 vụ	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng				
															UBND huyện vv giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2021		
5	Đường Phan Chu Trinh nối dài theo quy hoạch	BQLDA ĐTXD huyện	Khu 2, H. Côn Đảo	Đường giao thông	0,55	0,55	0,55	0,13	0,45			0,13		0,10	NQ số 31/NQ-HĐND ngày 30/11/2020 của HĐND huyện QĐ số 89/QĐ-UBND ngày 04/02/2021 của UBND huyện QĐ số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	Đất nhà nước + đất dân	NS huyện
6	Tuyến đường kết nối từ KDC 9a đến đường Nguyễn Văn Cừ	BQLDA ĐTXD huyện	TT Côn Đảo	Đường giao thông	0,53	0,53	0,53		0,53						NQ số 32/NQ-HĐND ngày 30/11/2020 của HĐND huyện QĐ số 1561/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện QĐ số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	Đất nhà nước + đất dân	NS huyện
7	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch khu dân cư phía Bắc Nghĩa trang Hàng Dương	BQLDA ĐTXD huyện	TT Côn Đảo	Đường giao thông	0,43	0,43	0,43		0,43						NQ số 33/NQ-HĐND ngày 30/11/2020 của HĐND huyện QĐ số 1559/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện QĐ số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	Đất nhà nước + đất dân	NS huyện
8	Nâng cấp đường Dương Thanh Khiết	BQLDA ĐTXD huyện	Khu 2, H. Côn Đảo	Đường giao thông	0,10	0,10	0,10		0,10						NQ số 30/NQ-HĐND ngày 30/11/2020 của HĐND huyện QĐ số 1563/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện QĐ số 1521/QĐ-UBND	Đất nhà nước + đất dân	NS huyện

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư/ Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Loại đất cần thu hồi/chuyển mục đích (ha)						Căn cứ pháp lý	Nguồn gốc đất	Nguồn vốn
					Tổng DT dự án	Thực hiện năm 2022	Thu hồi năm 2022	Thực hiện CMĐ năm 2022	Đất nông nghiệp	Trong đó				Đất phi nông nghiệp			
										Đất lúa 1 vụ	Đất lúa 2 vụ	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng				
															ngày 28/12/2020 của UBND huyện		
	Đăng ký mới : 5 dự án																
9	Tuyến đường nội bộ khu dân cư số 9 theo quy hoạch	BQLDA ĐTXD huyện	Trung tâm	Đường giao thông	0,66	0,66	0,66		0,54					0,12	NQ số 30/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND huyện Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	Đất nhà nước + đất dân	NS huyện
10	Tuyến đường nối từ khu tái định cư trung tâm đến đường Võ Thị Sáu	BQLDA ĐTXD huyện	Trung tâm	Đường giao thông	0,90	0,90	0,90	0,17	0,90			0,17			Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	Đất nhà nước + đất dân	NS huyện
11	Đường Nguyễn Văn Trỗi nối dài theo quy hoạch	BQLDA ĐTXD huyện	Trung tâm	Đường giao thông	0,13	0,13	0,13	0,09	0,13			0,09			Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	Đất nhà nước + đất dân	NS huyện
12	Tuyến đường theo quy hoạch nối đường trục phía Bắc và đường Phan Chu Trinh	BQLDA ĐTXD huyện	Khu dân cư số 02, huyện Côn Đảo	Đường giao thông	0,31	0,31	0,31		0,31						Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	Đất nhà nước + đất dân	
13	Nâng cấp đường Tạ Uyên	BQLDA ĐTXD huyện	KDC số 3, huyện Côn Đảo	Đường giao thông	0,36	0,36	0,36		0,18					0,18	Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND huyện QĐ số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện	Đất nhà nước + đất dân	
V	**Đất thủy lợi (5 dự án)**				**54,99**	**54,99**	**36,99**	**6,45**	**14,79**			**1,77**	**4,68**	**22,20**			
	Chuyển tiếp : 4 dự án																
1	Mở rộng, nạo vét hồ An Hải	UBND huyện Côn Đảo	TT Côn Đảo	Hồ chứa nước	23,35	23,35	5,35	1,32	5,35			1,32			Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh; PD chủ trương đầu tư; QĐ số 2941/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của	Đất nhà nước quản lý	NS Tỉnh

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/ Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Loại đất cần thu hồi/chuyển mục đích (ha)						Căn cứ pháp lý	Nguồn gốc đất	Nguồn vốn
					Tổng DT dự án	Thực hiện năm 2022	Thu hồi năm 2022	Thực hiện CMĐ năm 2022	Đất nông nghiệp	Trong đó				Đất phi nông nghiệp			
										Đất lúa 1 vụ	Đất lúa 2 vụ	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng				
															UBND tỉnh PD dự án QĐ số 3839/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh vv giao chỉ tiêu kế hoạch vốn năm 2021		
2	Kiên cố hóa các tuyến mương thu gom nước của KDC số 3	UBND huyện Côn Đảo	KDC số 3, huyện Côn Đảo	DTL	1,32	1,32	1,32	0,03	0,47			0,03		0,85	Thông báo số 51/TB-SKHĐT ngày 29/8/2019 của Sở KHĐT; NQ số 70/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh phê duyệt dự án. QĐ số 2760/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2021	Đất nhà nước + đất dân	NS Tỉnh
3	Nạo vét hồ Quang Trung 1	Ban QLDA chuyên ngành NN & PTNT	Trung tâm	Hồ chứa nước	21,75	21,75	21,75		0,40					21,35	- Nghị quyết số 431/HĐND-VP ngày 27/10/2017 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư '-Quyết định số 2317/QĐ-UBND ngày 21/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư '-Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 22/12/2208 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2021	Đất nhà nước quản lý	Ngân sách Tỉnh
4	Hồ chứa nước Lò Vôi	Ban QLDA chuyên	Trung tâm	Hồ chứa nước	3,89	3,89	3,89	0,42	3,89			0,42			QĐ số 152/QĐ - UBND ngày 22/1/2019 của UBND tỉnh	Đất nhà nước quản lý	Ngân sách Tỉnh

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/ Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Loại đất cần thu hồi/chuyển mục đích (ha)						Căn cứ pháp lý	Nguồn gốc đất	Nguồn vốn
					Tổng DT dự án	Thực hiện năm 2022	Thu hồi năm 2022	Thực hiện CMĐ năm 2022	Đất nông nghiệp	Trong đó				Đất phi nông nghiệp			
										Đất lúa 1 vụ	Đất lúa 2 vụ	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng				
		ngành NN & PTNT													Quyết định số 3001/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh về việc xây dựng dự án đầu tư '-Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 22/12/2208 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2021		
	Phát sinh mới : 1 dự án																
5	Hồ chứa nước Đất Dốc	BQL VQG	Khu vực Đất Dốc thuộc VQG	Dự trữ nước PCCCR và phục vụ sinh hoạt dân cư	4,68	4,68	4,68	4,68	4,68				4,68		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 18/07/2019; QĐ số 3267QĐ-UBND ngày 29/10/2020 phê duyệt dự án đầu tư hồ chứa nước đất Dốc	Đất nhà nước	
VI	**Đất y tế (01 dự án)**				**1,14**	**1,14**	**1,14**		**1,05**					**0,09**			
	Chuyển tiếp : 1 dự án																
1	Đầu tư mới Trung tâm Y tế quân dân y huyện Côn Đảo	BQLDA CN.DD &CN tỉnh	Huyện Côn Đảo	Xây dựng trung tâm y tế	1,14	1,14	1,14		1,05					0,09	NQ số 23/NQ-HĐND ngày 7/5/2021 của HĐND tỉnh BRVT NQ số 112/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 của HĐND tỉnh BRVT QĐ số 1422/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh QĐ số 2760/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2021	Đất nhà nước, đất dân	Ngân sách tỉnh
VII	**Đất di tích lịch sử (1 dự án)**				**0,50**	**0,50**	**0,50**		**0,50**								
	Đăng ký mới : 1 dự án																

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/ Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Loại đất cần thu hồi/chuyển mục đích (ha)						Căn cứ pháp lý	Nguồn gốc đất	Nguồn vốn
					Tổng DT dự án	Thực hiện năm 2022	Thu hồi năm 2022	Thực hiện CMĐ năm 2022	Đất nông nghiệp	Trong đó				Đất phi nông nghiệp			
										Đất lúa 1 vụ	Đất lúa 2 vụ	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng				
1	Bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử Côn Đảo	Sở VH-TT	TT Côn Đảo	Di tích	0,50	0,50	0,50		0,50								
IX	**Đất ở (2 dự án)**				**3,27**	**3,27**	**3,27**	**1,73**	**3,02**			**1,73**		**0,25**			
	Chuyển tiếp : 2 dự án																
1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư trung tâm huyện Côn Đảo (tên dự án cũ: Cơ sở hạ tầng khu TĐC theo quy hoạch trung tâm Côn Đảo khu 9A)	UBND huyện Côn Đảo	TT Côn Đảo	Cụm dân cư	2,63	2,63	2,63	1,68	2,38			1,68		0,25	QĐ số 2955/QĐ - UBND ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh Quyết định số 3104/QĐ - UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh; Quyết định số 1888/QĐ - UBND ngày 25/7/2019 của UBND tỉnh: QĐ số 2760/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2021	đất nhà nước + đất dân	NS Tỉnh
2	Nhà ở xã hội	UBND huyện	TT Côn Đảo	Cụm dân cư	0,64	0,64	0,64	0,05	0,64			0,05			Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 04/08/2020 của HĐND tỉnh Nghị quyết số 80/2019/NQ-HĐND ngày 25/10/2019 của HĐND tỉnh QĐ số 1521/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND huyện QĐ số 3839/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh vv giao chỉ tiêu kế hoạch vốn năm 2021	đất nhà nước + đất dân	NS Tỉnh

PHỤ LỤC 07:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN GIAO, THUÊ ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 CỦA HUYỆN CÔN ĐẢO

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND huyện Côn Đảo)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Loại đất hiện trạng	Loại đất thực hiện năm 2022	Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2022	Giao/ thuê đất					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	TỔNG CỘNG : 20 dự án				**31,85**		**31,81**	**31,81**					
I	**Đất quốc phòng (1 dự án)**				**3,30**		**3,30**	**3,30**					
	Chuyển tiếp : 1 dự án												
1	Trạm rada phòng không 367	Sư đoàn phòng không 367	Đỉnh Núi Thánh Gía	Quốc phòng	0,30		0,30	0,30	CQP	CQP	Nhà nước quản lý	CV số 8392/UB.XD ngày 08/12/2010 của UBND tỉnh	Đang làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ
	Trạm rada phòng không 367	Sư đoàn phòng không 367	Chân Núi Thánh Gía	Quốc phòng	3,00		3,00	3,00	CQP	CQP	Nhà nước quản lý	CV số 7135/UB.XD ngày 19/10/2010 của UBND tỉnh	
II	**Đất thương mại, dịch vụ (1 dự án)**				**0,10**		**0,06**	**0,06**					
	Chuyển tiếp : 1 dự án												
1	Xây dựng 2 bể điều áp đầu các tuyến Bến Đầm, Cỏ Ống	Trạm cung cấp nước Côn Đảo	Bến Đầm, Cỏ Ống	phục vụ cấp nước	0,10		0,06	0,06	TMD	TMD	đất nhà nước	VB số 3163/UBND-VP ngày 15/5/2015 của UBND tỉnh	Đã xây dựng xong, đang làm thủ tục giao đất
III	**Đất giao thông (7 dự án)**				**20,03**		**20,03**	**20,03**					
	Chuyển tiếp : 7 dự án												

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Loại đất hiện trạng	Loại đất thực hiện năm 2022	Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2022	Giao/ thuê đất					
1	Xây dựng một số tuyến đường theo QH khu Bến Đầm	BQLDA ĐTXD huyện	Khu Bến Đầm	Đường giao thông	0,59		0,59	0,59	DGT	DGT	Đất nhà nước	Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND huyện; Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 của UBND huyện	Thi công hoàn thành
2	Nâng cấp tuyến đường Võ Thi Sáu, huyện Côn Đảo	BQLDA ĐTXD huyện	TT Côn Đảo	Đường giao thông	1,09		1,09	1,09	DGT	DGT	Đất nhà nước + đất dân	Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện; Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND huyện	Đã hoàn thành
3	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Côn Đảo	Ban Quản lý cảng Bến Đầm	Khu 10, huyện Côn Đảo	Dịch vụ hậu cần cảng	12,00		12,00	12,00	DGT	DGT	Đất nhà nước	Quyết định số 851/QĐ-BTS ngày 24/10/2006 của Bộ Thủy sản - Quyết định số 3658/QĐ-BNN-TCTS ngày 19/9/2018 của Bộ NN&PTNT - Quyết định số 241/QĐ-BQL ngày 27/9/2018 của BQL cảng Bến Đầm về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công - tổng dự toán dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Côn Đảo, tỉnh BRVT.	Đã tthực hiện xong, đang làm thủ tục giao đất
4	Kho bãi chứa hàng tại cảng Bến Đầm	Ban Quản lý cảng Bến Đầm	Khu 10, huyện Côn Đảo	Dịch vụ hậu cần cảng	3,22		3,22	3,22	DGT	DGT	Đất nhà nước	-Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 12/6/2007	Đã tthực hiện xong, đang làm thủ tục giao đất

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Loại đất hiện trạng	Loại đất thực hiện năm 2022	Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2022	Giao/ thuê đất					
5	Cảng tàu khách Côn Đảo	Ban Quản lý cảng Bến Đầm	Khu 5, huyện Côn Đảo	Dịch vụ cảng tàu khách	2,10		2,10	2,10	DGT	DGT	Đất nhà nước	-Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 14/6/2007; -Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 12/5/2011;	Đã tthực hiện xong, đang làm thủ tục giao đất
6	Cải tạo tuyến đường vào cổng chính nghĩa trang Hàng Dương (giai đoạn 2)	BQLDA ĐTXD huyện	TT Côn Đảo	Đường giao thông	0,61		0,61	0,61	DGT	DGT	Đất nhà nước + đất dân	Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND huyện; đã thi công lòng đường, nay bổ sung thu hồi đất vỉa hè	Thi công hoàn thành
7	Kéo dài đường trước mặt Trường THCS Lê Hồng Phong đến điểm giao với đường Nguyễn Huệ	Phòng Kinh tế	TT Côn Đảo	Đường giao thông	0,42		0,42	0,42	DGT	DGT	Đất nhà nước	Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND huyện, phê duyệt báo cáo KTKT	Đã hoàn thành
IV	**Đất thủy lợi (2 dự án)**				**2,38**		**2,38**	**2,38**					
	Chuyển tiếp : 2 dự án												
1	Hồ chứa nước Suối Ớt	UBND huyện Côn Đảo	Khu Cỏ Ống	Hồ chứa nước	2,18		2,18	2,18	DTL	DTL	Đất nhà nước + đất dân	Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 17/09/2018 của UBND tỉnh; QĐ số 3509/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh Thông báo số 2193/SNN-TL ngày 28/8/2019 của SNN&PTNT;Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Loại đất hiện trạng	Loại đất thực hiện năm 2022	Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2022	Giao/ thuê đất					
2	Nâng cấp hệ thống cấp nước Bến Đầm- Cỏ Ống	UBND huyện Côn Đảo	Bến Đầm - Cỏ Ống	DTL	0,20		0,20	0,2	DTL	DTL	Đất nhà nước	NQ số 75/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 28/4/2019 của UBND tỉnh QĐ số 3839/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh vv giao chỉ tiêu kế hoạch vốn năm 2021	- Trình Thủ tướng chuyển đổi mục đích SDĐR; - Đã hoàn thành công tác BTGPMB. - Thi công xây dựng công trình
V	**Đất công trình năng lượng (01 dự án)**				**0,18**		**0,18**	**0,18**					
	Đăng ký mới : 1 dự án												
1	Trạm biến áp 110 KV và hành lang an toàn xây dựng lưới điện 110kV từ vị trí tiếp bờ Côn Đảo	Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN	Trung tâm	DNL	0,18		0,18	0,18	DNL	DNL	Đất nhà nước	Công văn số 1167/UBND-VP ngày 05/02/2021 và phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí tại Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 Tờ trình số 184/TTr-UBND ngày 5/10/2021 về việc bổ sung công trình đường dây và trạm biến áp 110kV Côn Đảo vào quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035	Sở Công Thương đã hoàn tất các thủ tục lựa chọn nhà thầu tư vấn, đang tiến hành triển khai thủ tục pháp lý
VI	**Đất công trình bưu chính viễn thông (01 dự án)**				**0,80**		**0,80**	**0,80**					
	Chuyển tiếp : 1 dự án												

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Loại đất hiện trạng	Loại đất thực hiện năm 2022	Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2022	Giao/ thuê đất					
1	Trạm tiếp sóng phát thanh truyền hình tỉnh	Đài PT-TH tỉnh BRVT	Trung tâm, Cỏ Ống, Bến Đầm	TrẠm tiếp sóng chương trình PT-TH	0,80		0,80	0,80	DBV	DBV	đất nhà nước + đất dân	-Văn bản số 1274/UBND-VP ngày 17/3/2011 về việc thỏa thuận địa điểm để khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng 03 trạm tiếp sóng phát thanh truyền hình của tỉnh tại huyện Côn Đảo và Văn bản số 7464/UBND-VP ngày 09/10/2014. VB số 535/UBND-VP ngày 26/10/2015 về việc điều chỉnh TTĐĐ dự án đầu tưu xây dựng 03 trạm tiếp sóng phát thanh truyền hình của tỉnh tại huyện Côn Đảo."	Đã xây dựng xong, đang làm thủ tục giao đất
VII	**Đất cơ sở giáo dục đào tạo (1 dự án)**				**0,50**		**0,50**	**0,50**					
	Chuyển tiếp : 1 dự án												
1	Trường tiểu học Côn Đảo k10	UBND huyện Côn Đảo	KDC số 3, huyện Côn Đảo	Trường học	0,50		0,50	0,50	DGD	DGD	Đất nhà nước	NQ số 57/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh NQ số 78/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư ,Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh	- Đã hoàn thành công tác BTGPMB; - Thi công xây dựng công Trình
VIII	**Đất di tích lịch sử (1 dự án)**				**1,99**		**1,99**	**1,99**					
	Chuyển tiếp : 1 dự án												

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Loại đất hiện trạng	Loại đất thực hiện năm 2022	Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2022	Giao/ thuê đất					
1	Chùa Núi Một	Chùa Vân Sơn Núi Một	Khu An Hải	Đất di tích lịch sử văn hóa	1,99		1,99	1,99	DDT	DDT	Đất nhà nước	VB số 1424/TNMT của phòng TNMT huyện Côn Đảo ngày 5/12/2018	Đã đo đạc lập HSĐC, đang thực hiện thủ tục giao đất
IX	**Đất bãi thải xử lý chất thải (01 dự án)**				**1,48**		**1,48**	**1,48**					
	Chuyển tiếp : 1 dự án												
1	Hệ thống thu gom xử lý nước thải khu trung tâm Côn Đảo	UBND huyện Côn Đảo	TT Côn Đảo	Đất rác thải	1,48		1,48	1,48	DRA	DRA	đất nhà nước + đất dân	QĐ số 56/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh QĐ số 2760/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2021	- Đã hoàn thành công tác BTGPMB; - Thi công xây dựng công trình
X	**Đất ở (1 dự án)**				**0,80**		**0,80**	**0,80**					
	Chuyển tiếp : 1 dự án												
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Lô K	Phòng TNMT huyện Côn Đảo	Trung tâm	Khu dân cư	0,80		0,80	0,80	ONT	ONT	đất nhà nước + đất dân	QĐ số 1031/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND huyện	' Đang triển khai các thủ tục bàn giao đất
XI	**Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp (2 dự án)**				**0,27**		**0,27**	**0,27**					
	Chuyển tiếp : 2 dự án												

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư/Quản lý	Địa điểm	Mục đích sử dụng đất	Diện tích				Loại đất hiện trạng	Loại đất thực hiện năm 2022	Nguồn gốc đất	Căn cứ pháp lý	Tiến độ thực hiện
					Tổng DT dự án	Đã thực hiện	Thực hiện năm 2022	Giao/ thuê đất					
1	Chốt kiểm dịch động vật Bến Đầm	P.Kinh tế	Khu Bến Đầm	Chốt kiểm dịch	0,15		0,15	0,15	DTS	DTS	Nhà nước quản lý	-VB số 343/UBND-VP ngày 18/01/2012 và Công văn số 3326/UBND-VP ngày 20/5/2014 của UBND tỉnh và TB số 167/TB-UBND ngày 09/7/2014 của UBND huyện CĐ	Đã thực hiện, đang làm thủ tục giao đất
2	Văn phòng đại diện cảng vụ hàng hải	Cảng vụ hàng hải	Bến Đầm	Trụ sở	0,12		0,12	0,12	DTS	DTS	Đất nhà nước	7752/UBND-VP ngày 08/11/2013 của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	- Đã hoàn thành công tác BTGPMB nhưng chưa có QĐ thu hồi đất
XII	**Đất khu vui chơi giải trí công cộng (1 dự án)**				**0,02**		**0,02**	**0,02**					
	Chuyển tiếp : 1 dự án												
1	Nhà vệ sinh công cộng	BQL Công trình công cộng	Đường Nguyễn Huệ	Công trình sự nghiệp	0,02		0,02	0,02	DKV	DKV	Đất nhà nước	Hiện trạng đã sử dụng từ năm 2002	Đang triển khai thủ tục pháp lý

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN CÔN ĐẢO**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /NQ-HĐND	*Côn Đảo, ngày tháng năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Về phê duyệt thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO KHOÁ XI, KỲ HỌP THƯỜNG LỆ CUỐI NĂM 2021

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;

Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đấ;

Công văn số 5113/STNMT-CCQLĐĐ ngày 30/07/2021 của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, về việc báo cáo tình hình thực hiện các Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện trong năm 2021; Lập danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng

phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2022; Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện.

Công văn số 2668/UBND-TNMT ngày 05/08/2021 của Ủy ban Nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, về việc phối hợp báo cáo tình hình thực hiện các Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện trong năm 2021; Lập danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2022; Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện.

Căn cứ Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 27/09/2021 của UBND huyện Côn Đảo về việc phê duyệt nhiệm vụ dự án và dự toán kinh phí Lập kế hoạch sử dụng năm 2022 huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ,

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Uỷ ban nhân dân huyện Côn Đảo về việc đề nghị thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số /BC-BKTXH ngày tháng năm 2021 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với những nội dung sau:

1. Diện tích các loại đất:

1.1. Diện tích, cơ cấu các loại đất trong năm kế hoạch

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, tổng diện tích đất tự nhiên trên địa bàn huyện là 7.578,87 ha. Trong đó:

- Đối với nhóm đất nông nghiệp: Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2021 là 6.712,20 ha. Đến năm 2022, diện tích đất nông nghiệp theo kế hoạch là 6.634,99 ha, giảm so với hiện trạng là 77,21 ha, chiếm tỷ lệ 87,55% so với diện tích tự nhiên.

- Đối với nhóm đất phi nông nghiệp: Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2021 là 714,48 ha. Đến năm 2022, diện tích đất phi nông nghiệp theo kế hoạch là 791,69 ha, tăng so với hiện trạng là 77,21 ha, chiếm tỷ lệ 10,45% so với diện tích tự nhiên.

- Đối với nhóm đất chưa sử dụng: Hiện trạng sử dụng đất chưa sử dụng năm 2021 là 152,19 ha. Đến năm 2022, diện tích đất chưa sử dụng theo kế hoạch là 152,19 ha, không thay đổi so với hiện trạng, chiếm tỷ lệ 2,01% so với diện tích tự nhiên.

(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm).

1.2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2022

Kế hoạch năm 2022 thực hiện dự án là 106,88 ha với 26 dự án gồm 18 dự án chuyển tiếp; 08 dự án đăng ký mới *(25 dự án thu hồi đất theo Tờ trình số 240/TTr-UBND ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh và bổ sung 01 dự án Hồ chứa nước Đất Dốc).*

(Chi tiết theo các phụ lục 02 đính kèm; vị trí được thể hiện trên Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2022)

1.3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022

Kế hoạch năm 2022 cần chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp là 43,53 ha. Trong đó, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất của dự án đầu tư là 42,03 ha và diện tích chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân là 1,50 ha.

(Chi tiết theo các phụ lục 03 đính kèm; vị trí được thể hiện trên Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2022)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban, các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Côn Đảo Khóa XI, Kỳ họp thường lệ cuối năm 2021 thông qua ngày …… tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- TTr: HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh;
- TTr: Huyện uỷ, TTr. HĐND huyện;
- UBND huyện; UB MTTQ Việt Nam huyện;
- Các Ban HĐND, đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể;
- Đăng trên Cổng TTĐT của HĐND huyện;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 01:
DIỆN TÍCH CƠ CẤU CÁC LOẠI ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN CÔN ĐẢO

(Kèm theo Nghị quyết số ……/NQ-UBND ngày …… tháng …… năm 2021 của HĐND huyện Côn Đảo)

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	LOẠI ĐẤT	Mã	Hiện trạng năm 2021		Kế hoạch năm 2022		Chênh lệch (ha)
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN			**7.578,87**	**100,00**	**7.578,87**	**100,00**	
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**6.712,20**	**88,56**	**6.634,99**	**87,55**	**-77,21**
1.1	**Đất sản xuất nông nghiệp**	**SXN**	**184,74**	**2,44**	**149,56**	**1,97**	**-35,18**
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	83,54	1,10	67,17	0,89	-16,37
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA					
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	83,54	1,10	67,17	0,89	-16,37
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	101,20	1,34	82,39	1,09	-18,81
1.2	**Đất lâm nghiệp**	**LNP**	**6.526,14**	**86,11**	**6.484,11**	**85,56**	**-42,03**
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX					
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	625,11	8,25	587,76	7,76	-37,35
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	5.901,03	77,86	5.896,35	77,80	-4,68
1.3	**Đất nuôi trồng thủy sản**	**NTS**	**1,32**	**0,02**	**1,32**	**0,02**	
1.4	**Đất làm muối**	**LMU**					
1.5	**Đất nông nghiệp khác**	**NKH**					
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**714,48**	**9,43**	**791,69**	**10,45**	**77,21**
2.1	Đất quốc phòng	CQP	83,43	1,10	83,36	1,10	-0,07
2.2	Đất an ninh	CAN	2,63	0,03	3,07	0,04	0,44
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			19,44	0,26	19,44
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	96,61	1,27	96,59	1,27	-0,02
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,57	0,01	1,63	0,02	1,06
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	5,18	0,07	1,97	0,03	-3,21
2.9	Đất hạ tầng	DHT	443,80	5,86	498,60	6,58	54,80
2.9.1	*Đất giao thông*	*DGT*	*287,87*	*3,80*	327,54	*4,32*	*39,67*
2.9.2	*Đất thủy lợi*	*DTL*	*66,01*	*0,87*	79,61	*1,05*	*13,60*
2.9.3	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*DVH*	*7,23*	*0,10*	7,23	*0,10*	
2.9.4	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*	*1,48*	*0,02*	2,62	*0,03*	*1,14*
2.9.5	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục- đào tạo*	*DGD*	*7,13*	*0,09*	7,13	*0,09*	
2.9.6	*Đất xây dựng cơ sở thể dục- thể thao*	*DTT*	*1,29*	*0,02*	1,29	*0,02*	
2.9.7	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*	*3,00*	*0,04*	2,89	*0,04*	*-0,11*
2.9.8	*Đất công trình bưu chính viễn thông*	*DBV*	*1,74*	*0,02*	1,74	*0,02*	
2.9.9	*Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia*	*DKG*					
2.9.10	*Đất có di tích lịch sử - văn hóa*	*DDT*	62,41	0,82	62,91	0,83	0,50

Thứ tự	LOẠI ĐẤT	Mã	Hiện trạng năm 2021		Kế hoạch năm 2022		Chênh lệch (ha)
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
2.9.11	*Đất bãi thải, xử lý chất thải*	*DRA*	1,96	0,03	1,96	0,03	
2.9.12	*Đất cơ sở tôn giáo*	*TON*					
2.9.13	*Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*	*NTD*	1,60	0,02	1,60	0,02	
2.9.14	*Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ*	*DKH*					
2.9.15	*Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội*	*DXH*					
2.9.16	*Đất chợ*	*DCH*	*2,08*	*0,03*	*2,08*	*0,03*	
2.10	Đất có danh lam thắng cảnh	DDL					
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	3,80	0,05	3,80	0,05	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	36,82	0,49	41,59	0,55	4,77
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT					
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	5,25	0,07	5,25	0,07	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	8,54	0,11	8,54	0,11	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN					
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,13	0,01	1,13	0,01	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	6,91	0,09	6,91	0,09	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	19,82	0,26	19,82	0,26	
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**152,19**	**2,01**	**152,19**	2,01	
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	152,19	2,01	152,19	2,01	
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS					
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS					

PHỤ LỤC 02:
KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 CỦA HUYỆN CÔN ĐẢO

(Kèm theo Nghị quyết số ……/NQ-UBND ngày …… tháng …… năm 2021 của HĐND huyện Côn Đảo)

Đơn vị tính: ha

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**75,02**
	Trong đó:		
1.1	Đất lúa nước	LUA	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	14,93
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	18,06
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	37,35
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	4,68
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**5,29**
	Trong đó:		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,07
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,02
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,21
2.9	Đất hạ tầng	DHT	1,32
	Trong đó:		
2.9.1	*Đất giao thông*	*DGT*	*0,02*
2.9.2	*Đất thủy lợi*	*DTL*	*1,19*
2.9.3	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*DVH*	
2.9.4	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*	
2.9.5	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục- đào tạo*	*DGD*	
2.9.6	*Đất xây dựng cơ sở thể dục- thể thao*	*DTT*	
2.9.7	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*	*0,11*
2.9.8	*Đất công trình bưu chính viễn thông*	*DBV*	
2.9.9	*Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia*	*DKG*	
2.9.10	*Đất có di tích lịch sử - văn hóa*	*DDT*	
2.9.11	*Đất bãi thải, xử lý chất thải*	*DRA*	
2.9.12	*Đất cơ sở tôn giáo*	*TON*	
2.9.13	*Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*	*NTD*	
2.9.14	*Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ*	*DKH*	
2.9.15	*Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội*	*DXH*	
2.9.16	*Đất chợ*	*DCH*	
2.10	Đất có danh lam thắng cảnh	DDL	

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.12	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,67
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

Ghi chú: Hiện trạng đất phi nông nghiệp: 26,37ha.

PHỤ LỤC 03:
KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 CỦA HUYỆN CÔN ĐẢO

(Kèm theo Nghị quyết số ……/NQ-UBND ngày …… tháng …… năm 2021 của HĐND huyện Côn Đảo)

Đơn vị tính: ha

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng Diện tích
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**43,53**
1.1	Đất lúa nước	LUA/PNN	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC/PNN*	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	0,75
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	0,75
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	37,35
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	4,68
1.6	Đất trồng rừng sản xuất	RSX/PNN	
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN/PNN*	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NNK/PNN	
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	
2.3	Đất chuyên trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	
2.4	Đất chuyên trồng lúa sang đất làm muối	LUA/LMU	
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR[(a)]	
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR[(a)]	
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR[(a)]	
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	